

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ
năm 2022 tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 14516/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Danh mục 25 dự án có sử dụng đất trồng lúa với diện tích đất là 27,87 ha và 01 dự án vừa sử dụng diện tích đất trồng lúa là 2,84 ha vừa sử dụng diện tích đất rừng phòng hộ là 3,27 ha.

(Phụ lục I đính kèm)

2. Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích là 631 ha:

- a) Chuyển đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 406 ha.
- b) Chuyển đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác là 85 ha.
- c) Chuyển đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản là 44 ha.
- d) Chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở là 22 ha.
- đ) Chuyển đất trồng lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 08 ha.
- e) Chuyển đất trồng lúa sang đất thương mại dịch vụ là 03 ha.
- g) Chuyển đất trồng lúa sang đất ở là 63 ha.

(Phụ lục II đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Chính phủ (A + B);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh,
- Báo Đồng Nai và Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐ.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo



PHỤ LỤC I

Danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2022 tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Huyện	Xã, phường, thị trấn	Diện tích (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
					Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	
1	Đường từ nút giao vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu	Biên Hòa	Trung Dũng; Thống Nhất	10,90	1,40		Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 4/12/2020 v/v quyết định CTĐT và điều chỉnh CTĐT một số dự án trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tờ trình số 21249/TTr-UBND ngày 01/11/2021 của UBND thành phố Biên Hòa về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố Biên Hòa (lần 2)
2	Trạm BA 220 kV Tam Phước và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân	6,20	0,17		Quyết định số 14507/QĐ-BCT ngày 29/12/2015 của Bộ Công Thương về phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai, Văn bản số 157/SCT-ĐN ngày 19/01/2016 của Sở Công Thương về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2016-2025. Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất. Bổ sung diện tích thu hồi theo bản vẽ mới
3	Mô đá xây dựng Tân Cang 1 - Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	5,87	0,74		Văn bản số 335/VLXD-KSCL ngày 14/8 của Công ty CP xây dựng và sản xuất VLXD Biên Hòa về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2022
4	Trạm xăng dầu và xưởng sửa chữa các loại xe cơ giới	Biên Hòa	Phước Tân	1,27	0,17		Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chủ trương đầu tư
5	Trường THCS Phước Tân 3	Biên Hòa	Phước Tân	1,18	0,27		Quyết định số 5413/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND TP.Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách TP.Biên Hòa (lần 1); Nghị quyết số 54/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND TP.Biên Hòa Khóa XI, kỳ họp thứ 8 về việc quyết định Chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020. Tờ trình số 21249/TTr-UBND ngày 01/11/2021 của UBND thành phố Biên Hòa về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố Biên Hòa (lần 2)
6	Khu dân cư phường Thống Nhất (Công ty D2D)	Biên Hòa	Thống Nhất	13,73	4,57		Quyết định số 3393/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 KDC phường Thống Nhất
7	Trạm biến áp 110kV KĐT Long Hưng và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân	0,40	0,19		Văn bản số 7971/UBND-CNN ngày 12/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí TBA 110kV KĐT Long Hưng và đường dây đầu nối, Quyết định số 3316/QĐ-EVN SPC ngày 15/11/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu kỹ thuật

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	Xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	
8	Đường số 5 (Bảo Vinh)	Long Khánh	Bảo Vinh	2,6	0,02		Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 08/2/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2021 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng hạ tầng Làng văn hóa cho đồng bào dân tộc Chơ Ro. Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tờ trình số 14604/TTr-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021, giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022
9	Đường Thổ Lùn (giai đoạn 2)	Long Khánh	Bàu Trâm	1,26	0,45		Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 15/06/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án; Nghị Quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 của HĐND thành phố Long Khánh về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.
10	Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ	Long Khánh	Bàu Trâm	2,7	0,06		Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 14/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng đường Bàu Trâm-Xuân Thọ. Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tờ trình số 14604/TTr-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021, giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022
11	Đường Vành đai 2	Long Khánh	Phú Bình; Xuân Hòa; Bàu Trâm; Bảo Vinh; Xuân Tân	26,87	3,95		Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 08/2/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án đường Vành đai 2. Tờ trình số 14604/TTr-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021, giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022
12	Đường CMT 8 nối dài, thành phố Long Khánh và hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường giao thông khu phức hợp phường Xuân An, Xuân Hòa, thành phố Long Khánh	Long Khánh	Xuân An; Xuân Hòa	56,4	2,01		Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 26/5/2020 của HĐND thành phố Long Khánh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công của thành phố, Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 19/5/2021 của HĐND thành phố Long Khánh về việc cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 (lần 2), Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 19/5/2021 của HĐND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung quy mô đầu tư dự án.
13	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành	Long Thành	Thị trấn Long Thành	1,59	1,59		Tờ trình số 14604/TTr-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021, giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	Xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	
14	Trụ sở làm việc Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai	Nhon Trạch	Phước Khánh	0,07	0,05		Văn bản số 5318/UBND-CN ngày 14/8/2017 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc thỏa thuận địa điểm cho Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc
15	Trường TH Phú Lập	Tân Phú	Phú Lập	0,30	0,16		Văn bản số 4250/UBND-KT ngày 17/11/2021 của UBND huyện Tân Phú về vạm kết bố trí vốn năm 2022
16	Mạch 2 Đường dây 220Kv Bảo Lộc - Sông Mây	Tân Phú	Phú Sơn; Phú Trung; Thanh Sơn; Phú Xuân; Thị trấn Tân Phú; Phú Lộc	1,23	0,17		Văn bản số 1613/UBND-CNN ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh về thỏa thuận hướng tuyến Quyết định số 37/QĐ-HĐTV ngày 05/3/2021 của Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia v/v giao kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính - đầu tư xây dựng năm 2021
17	Mạch 2 Đường dây 220Kv Bảo Lộc - Sông Mây	Trảng Bom	Sông Thao; Hưng Thịnh; Đông Hòa; Trung Hòa; Tây Hòa; Sông Trầu	0,23	0,15		Văn bản số 9378/SPMB-PDB ngày 16/8/2021 của Ban quản lý dự án các công trình điện miền nam đăng ký kế hoạch sử dụng đất cho dự án lưới điện cao thế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. (bổ sung 0,23 ha). Quyết định số 37/QĐ-HĐTV ngày 05/3/2021 của Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính - đầu tư xây dựng năm 2021
18	Khu tái định cư tại xã Đông Hòa	Trảng Bom	Đông Hòa	18,89	1,76		Văn bản số 203/QLDA ngày 19/10/2021 của Ban quản lý dự án huyện về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2022 các dự án do Ban quản lý dự án làm chủ đầu tư (bổ sung) Công văn số 6941/UBND-KTNS ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh về việc ứng vốn Quỹ phát triển đất tỉnh Đồng Nai
19	Mỏ đá Thiện Tân 7	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	12,26	4,32		Giấy phép khai thác khoáng sản số 330/GP-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai
20	Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân	Vĩnh Cửu	Thị trấn Vĩnh An; Trị An	0,26	0,02		Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân. Quyết định số 3296/QĐ-EVN SPC ngày 14/11/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV Thủy điện Trị An - TBA Kiệm Tân Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam
21	Nâng cấp mở rộng đường Xuân Thành - Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành; Xuân Trường	10,28	2,84	3,27	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tờ trình số 14604/TTr-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021, giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022.

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	Xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	
22	Đường Chu Văn An	Vĩnh Cửu	Thị trấn Vĩnh An	2,33	0,63		Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do huyện quản lý
23	Mạch 2 Đường dây 220Kv Bảo Lộc - Sông Mỹ	Thống Nhất	các xã	0,26	0,12		Văn bản số 9378/SPMB-PDB ngày 16/8/2021 của Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam đăng ký kế hoạch sử dụng đất cho dự án lưới điện cao thế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 37/QĐ-HĐTV ngày 05/3/2021 của Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính - đầu tư xây dựng năm 2021
24	Công ty cổ phần chăn nuôi heo Phú Sơn	Xuân Lộc	Xuân phú; Xuân Thọ	20,32	4,29		Quyết định tư số 2080/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư của Dự án trang trại heo Phú Sơn tại xã Xuân Phú và xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc
25	Trụ sở công an xã Phú Thanh	Tân Phú	Phú Thanh	0,20	0,14		Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND huyện Tân Phú về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025
26	Đường đê bao Đồng Hiệp	Tân Phú	Phú Điền; Phú Thanh	3,45	0,47		Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của HĐND huyện Tân Phú về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025
Tổng cộng				201,05	30,71	3,27	



PHỤ LỤC II

Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa sang mục đích khác của hộ gia đình, cá nhân năm 2022 tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Các trường hợp chuyển mục đích	Mã loại đất	Vị trí		Diện tích (ha)	Trong đó:	Căn cứ pháp lý
			Huyện	Xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	
1	Chuyển đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm				406,00	406,00	
			Cẩm Mỹ	Các xã, thị trấn	30,00	30,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Định Quán	Các xã, thị trấn	50,00	50,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Long Khánh	Các phường, xã	35,00	35,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Nhơn Trạch	Các xã	25,00	25,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Tân Phú	Các xã, thị trấn	15,00	15,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Thống Nhất	Các xã	35,00	35,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Trảng Bom	Các xã, thị trấn	16,00	16,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	100,00	100,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	60,00	60,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Long Thành	Các xã, thị trấn	40,00	40,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
2	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác				85,00	85,00	
			Cẩm Mỹ	Các xã, thị trấn	15,00	15,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân

STT	Các trường hợp chuyển mục đích	Mã loại đất	Vị trí		Diện tích (ha)	Trong đó:	Căn cứ pháp lý
			Huyện	Xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	
			Định Quán	Các xã, thị trấn	20,00	20,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Long Khánh	Các phường, xã	5,00	5,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Tân Phú	Các xã, thị trấn	35,00	35,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	10,00	10,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
3	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản				44,00	44,00	
			Cẩm Mỹ	Các xã, thị trấn	2,00	2,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Định Quán	Các xã, thị trấn	5,00	5,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Long Khánh	Các phường, xã	10,00	10,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Tân Phú	Các xã, thị trấn	15,00	15,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Trảng Bom	Các xã, thị trấn	4,00	4,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	3,00	3,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	5,00	5,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
4	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở				22,00	22,00	
			Cẩm Mỹ	Các xã, thị trấn	1,00	1,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân

STT	Các trường hợp chuyển mục đích	Mã loại đất	Vị trí		Diện tích (ha)	Trong đó:	Căn cứ pháp lý
			Huyện	Xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	
			Định Quán	Phú Hòa	1,00	1,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Long Khánh	Các xã, phường	7,00	7,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Biên Hòa	Các xã, phường	1,00	1,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Tân Phú	Các xã, thị trấn	12,00	12,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân
5	Chuyển mục đích từ đất lúa sang cơ sở sản xuất phi nông nghiệp				8,00	8,00	
			Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	4,00	4,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Trảng Bom	Các xã, thị trấn	3,00	3,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Thống Nhất	Các xã	1,00	1,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
6	Đất trồng lúa chuyển sang đất thương mại dịch vụ		Trảng Bom	Các xã, thị trấn	3,00	3,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở				63,00	63,00	
			Long Thành	Các xã, thị trấn	5,00	5,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Long Khánh	Các phường, xã	6,00	6,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Cẩm Mỹ	Các xã	2,00	2,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	5,00	5,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Trảng Bom	Các xã, thị trấn	11,00	11,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân

STT	Các trường hợp chuyển mục đích	Mã loại đất	Vị trí		Diện tích (ha)	Trong đó:	Căn cứ pháp lý
			Huyện	Xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	
			Biên Hòa	Các phường, xã	5,00	5,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	7,00	7,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Thống Nhất	Các xã	9,00	9,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Tân Phú	Các xã, thị trấn	8,00	8,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
			Định Quán	Các xã, thị trấn	5,00	5,00	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
	Tổng cộng					631,00	